TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/DS-ST
Ngày: 23-4- 2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Bà Bùi Thị Thương
-*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Đặng Văn Đê
2. Bà Nguyễn Thị Thọ
- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Hồ Thị Thắm–Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Nhung– Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2019; tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án thụ lý số 232/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2019; quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Hồng N, sinh năm: 1975 (có mặt)
Địa chỉ: 679 quốc lộ 51, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đoan T, sinh năm: 1976 (vắng mặt)
Địa chỉ: 1135B khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm: 1976; địa chỉ: tổ 2 khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1]. Nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N trình bày và xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

Giữa bà và bà Nguyễn Thị Đoan T không có mối quan hệ gì. Tháng 3/2015, bà T đến đặt vấn đề là muốn cầm cố bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 836819 do Ủy ban nhân dân Thị xã B (nay là thành phố B),

tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp cho bà T vào ngày 18/11/2010 đối với thửa đất 179 tờ bản đồ 22 tọa lạc tại phường T, thành phố B để vay với số tiền 30.000.000 đồng. Bà N đồng ý và giao cho bà T số tiền 30.000.000 đồng, bà T cũng đã giao cho bà N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Để ghi nhận sự việc, bà N đưa cho bà T mẫu "giấy vay tiền" được đánh máy sẵn và chính bà T đã viết tay vào đó toàn bộ nội dung, sau đó bà T ký, ghi rõ họ tên. Ngoài "giấy vay tiền" ngày 03/3/2015 thì giao dịch giữa bà và bà T không còn giấy tờ nào khác để ghi nhận.

Theo giấy vay tiền nêu trên thì bà N cho bà T vay với thời hạn 15 ngày nhưng thực tế các bên thỏa thuận bên ngoài văn bản là thời hạn vay 30 ngày, lãi suất 5%/tháng.

Hết thời hạn 30 ngày bà T vẫn không trả lại cho bà số tiền gốc nêu trên. Bà điện thoại thì bà T khất lần. Bà đi tìm nhà nhưng chưa tìm được, mặt khác thời gian bận bịu nên bà cũng để mặc cho đến nay.

Bà N xác định từ khi vay đến nay bà T không trả cho bà bất cứ khoản tiền gốc và lãi nào.

Do vậy bà khởi kiện bà Nguyễn Thị Đoan T, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả lại cho bà số tiền 30.000.000 đồng mà bà T đã vay của bà, theo giấy vay tiền ngày 03/3/2015, đồng thời buộc bà T trả lãi suất 1%/tháng trên số tiền vay tính từ ngày 18/3/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà N không kiện chồng bà T, không buộc chồng bà T phải có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho bà. Sau khi bà T trả cho bà khoản tiền gốc và lãi nêu trên thì bà đồng ý giao trả lại cho bà T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà T đã cầm cố.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả cho bà số tiền vay 30.000.000 đồng và lãi suất 0,75%/tháng trên số tiền vay được tính từ ngày 03/4/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[2]. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đoan T: Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng, yêu cầu bà T tham gia làm việc và tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do.

[3]. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Thanh Q trình bày: Ông và nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn từ năm 2008 cho đến nay. Ông không biết bị đơn bà Nguyễn Thị Đoan T là ai. Ông không biết, không tham gia, không liên quan vào giao dịch giữa bà N và bà T liên quan đến giấy vay tiền ngày 03/3/2015. Số tiền 30.000.000 đồng bà T cho bà N vay là tiền riêng của bà N, không liên quan đến ông. Ông hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N. Mọi quyền lợi liên quan đến số tiền nêu trên là của bà N. Trong vụ án này ông không có bất cứ tranh chấp yêu cầu gì.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn khoản tiền vay 30.000.000 đồng và giải quyết về vấn đề lãi suất. Bị đơn cư trú tại thành phố B, nên Toà án thành phố Bà Rịa thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của bộ luật tố tụng dân sự.

Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa,sau khi nghe ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

-Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Phan Thị Hồng N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Đoan T phải trả lại cho bà N khoản tiền vay 30.000.000 đồng, theo giấy vay tiền ngày 03/3/2015 và giải quyết vấn đề về lãi suất trên số tiền vay.

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N và bị đơn bà Nguyễn Thị Đoan T được xác định là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố B, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đoan T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung tranh chấp:**

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N

[2.1]. Đối với yêu cầu trả khoản tiền gốc:

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 03/3/2015 có xác nhận của bà Nguyễn Thị Đoan T cũng như sự xác định của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án có đủ cơ sở xác định ngày 03/3/2015 bà N có cho bà T vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày. Quá trình vay cho đến nay đã quá thời hạn vay các bên thỏa thuận nhưng bà T chưa trả được cho bà N bất cứ khoản tiền nào. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà T phải trả lại số tiền nêu trên cho bà N là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Bà N xác định và cam kết sẽ trả lại cho bà T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 836819 do Ủy ban nhân dân Thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp cho bà T vào ngày 18/11/2010 đối với thửa đất 179 tờ bản đồ 22 tọa lạc tại phường T, thành phố B.

[2.2]. Đối với yêu cầu trả lãi: Bà N xác định mặc dù trong giấy vay tiền ngày 03/3/2015 các bên không thỏa thuận việc trả lãi, nhưng giữa bà N và bà T có thỏa thuận không bằng văn bản việc trả lãi là 5%/tháng. Nay bà N chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả cho bà mức lãi suất 0,75%/tháng trên số tiền vay tính từ ngày hết thời hạn vay (ngày 03/4/2015) cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Xét yêu cầu về lãi của bà N là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà N. Lãi suất được tính cụ thể như sau:

Từ ngày 03/4/2015 đến ngày 23/4/2019 là 48 tháng 21 ngày, thành tiền là: (30.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 48 tháng 21 ngày) = 10.957.500 đồng

[3]. Trong vụ án này không có yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[4]. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Đoan T phải chịu án phí cho yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Hồng N được Tòa án chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Đoan T về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị Đoan T có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị Hồng N số tiền 40.957.500 (bốn mươi triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm) đồng (trong đó nợ vay 30.000.000 đồng và tiền lãi là 10.957.500 đồng) theo "giấy vay tiền" ngày 03/3/2015.

Sau khi bà Nguyễn Thị Đoan T trả cho bà Phan Thị Hồng N số tiền gốc và lãi nêu trên thì bà N phải có nghĩa vụ giao trả lại cho bà T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 836819 do Ủy ban nhân dân Thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp cho bà T vào ngày 18/11/2010 đối với thửa đất 179 tờ bản đồ 22 tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2]. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Đoan T phải chịu án phí 2.047.875 (hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi lăm) đồng.

- Hoàn trả lại cho bà Phan Thị Hồng N 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009692 ngày 12/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[3]. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/4/2019) các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận :
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- Chi cục THADS TP. Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Thị Thương